

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bản án số: 37/2024/KDTM-ST

Ngày: 05 - 8 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng gia công

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương;

2. Bà Trần Kim Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2024/TLST-KDTM ngày 08 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH G (Việt Nam); địa chỉ: T đất số 1227, tờ bản đồ số 34, đường D, khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Thành D, sinh năm 1986 và ông Đặng Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1990; Cùng địa chỉ: G L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương – là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/01/2024), vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH J., L1; địa chỉ: Đường số D, KCN Đ, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Giữa Công ty TNHH G (Việt Nam) (gọi tắt là Công ty G) và Công ty TNHH J., L1 (gọi tắt là Công ty J1) có mối quan hệ kinh doanh thân thiết từ trước nên hai bên có trao đổi thỏa thuận với nhau về việc Công ty G gia công hàng hóa cho Công ty J1. Theo đó, các bên đặt hàng qua điện thoại, không lập hợp đồng. Từ năm 2018 đến năm 2020, Công ty G đã thực hiện công việc gia công bào lạng gỗ cho Công ty J1. Công ty G đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên gia công theo đúng chất lượng, số lượng như đã thỏa thuận, xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo đúng giá cả đã thỏa thuận và đúng quy định của pháp luật nhưng Công ty J1 không thanh toán. Đến ngày 15/01/2024, hai Công ty đối chiếu công nợ với nhau thì Công ty J1 xác nhận còn nợ Công ty G số tiền 2.404.980.695 đồng nhưng đến nay Công ty J1 vẫn không thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty G.

Do đó, Công ty G yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Buộc Công ty TNHH J., L1 thanh toán cho Công ty TNHH G (Việt Nam) số tiền nợ là 2.404.980.695 đồng.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh yêu cầu khởi kiện: hóa đơn giá trị gia tăng, T xác nhận công nợ ngày 15/01/2024.

- Bị đơn Công ty J1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập Công ty Jing Tzuan đến Tòa án tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên Công ty J1 đều vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

-Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể: Buộc Công ty TNHH J., L1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH G (Việt Nam) số tiền nợ là 2.404.980.695 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Công ty G khởi kiện tranh chấp đối với Công ty J1 liên quan đến việc Công ty J1 không thanh toán tiền gia công cho Công ty G. Theo biên bản xác minh ngày 23/4/2024 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty J1 có trụ sở tại Đường số D, KCN Đ, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng gia công” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 542 của Bộ luật Dân sự.

[1.2] Bị đơn Công ty J1 được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử lần thứ 2 theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Việc vắng mặt của bị đơn Công ty J1 trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty G có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo các hóa đơn giá trị gia tăng số 0000694 ngày 22/8/2018 và số 0000708 ngày 21/9/2018 do Công ty G xuất cho Công ty J1 có tổng giá trị là 3.464.632.710 đồng; đồng thời, theo số chi tiết tài khoản ngày 31/12/2023 do Công ty G lập thể hiện Công ty J1 đã thanh toán cho Công ty G số tiền 1.059.652.015 đồng và số tiền còn nợ là 2.404.980.695 đồng. Mặt khác, theo giấy xác nhận công nợ ngày 15/01/2024, Công ty J1 xác nhận còn nợ Công ty G số tiền 2.404.980.695 đồng.

[2.3]. Theo Điều 182 của Luật Thương mại quy định bên nhận gia công quy định bên nhận gia công có quyền nhận thù lao gia công và các chi phí hợp lý khác.

Mặt khác Điều 544 của Bộ luật Dân sự quy định: Bên đặt gia công có nghĩa vụ trả tiền công theo đúng thỏa thuận. Đồng thời, Điều 552 của Bộ luật Dân sự quy định: Bên đặt gia công phải trả đủ tiền công vào thời điểm nhận sản phẩm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Do đó, Công ty G yêu cầu Công ty J1 phải thanh toán cho Công ty G số tiền gia công còn nợ là 2.404.980.695 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn cầu Công ty J1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 178, 179, 180, 181 và Điều 182 của Luật Thương mại.
- Các Điều 542, 544 và Điều 552 của Bộ luật Dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH G (Việt Nam) đối với bị đơn Công ty TNHH J., L1 về việc tranh chấp hợp đồng gia công.

- Buộc Công ty TNHH J., L1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH G (Việt Nam) số tiền 2.404.980.695 đồng (hai tỷ bốn trăm lẻ bốn triệu chín trăm tám mươi nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH J., L1 phải chịu 80.099.612 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH G (Việt Nam) số tiền 40.049.806 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu tiền số 0004796 ngày 07/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc K